

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-39
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 22/05/2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Lung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Ủy viên
Ông Lê Mạnh Hiệp	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Trường	Ủy viên
Ông Đỗ Ngọc Cương	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc	
Ông Võ Văn Lung	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01/05/2020; Bổ nhiệm từ ngày 15/05/2020
Bà Phan Kim Yến	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Bùi Thị Lê	Trưởng ban
Ông Tăng Thành Long	Thành viên
Bà Đoàn Thị Minh Phương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được lập ngày 10 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2019, Tổng Công ty chưa đối chiếu, xác nhận đầy đủ công nợ phải thu khách hàng là 9,5 tỷ đồng và phải trả người bán ngắn hạn là 2,6 tỷ đồng. Điều này đã dẫn đến việc chúng tôi phải nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tổng Công ty. Vấn đề này vẫn chưa được Tổng Công ty khắc phục triệt để, các khoản phải thu khách hàng, tạm ứng và phải trả người bán ngắn hạn chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 31/12/2020 lần lượt là 19,5 tỷ đồng; 1,8 tỷ đồng và 8,2 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như Tổng Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 5 - Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2020, một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng với tổng số tiền là 6,6 tỷ đồng. Tuy nhiên, do đặc thù hoạt động của Tổng Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình xây dựng thủy điện, thủy lợi thuộc các chủ đầu tư là các ban A trực thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuộc các tỉnh, các công trình Tổng Công ty thực hiện thường có thời gian thanh quyết toán kéo dài với chủ đầu tư nên Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đánh giá các khoản công nợ trên vẫn có khả năng thu hồi khi quyết toán.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2018-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		114.629.617.260	145.994.095.344
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	15.329.728.812	28.937.393.818
111	1. Tiền		14.229.728.812	27.619.227.177
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.100.000.000	1.318.166.641
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.200.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.200.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		76.995.050.515	101.242.976.477
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	51.120.003.135	75.823.524.687
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.310.128.538	8.908.324.795
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	20.564.918.842	18.953.862.864
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(2.442.735.869)
140	IV. Hàng tồn kho	8	20.313.617.018	15.739.146.174
141	1. Hàng tồn kho		20.313.617.018	15.739.146.174
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		791.220.915	74.578.875
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		697.828.081	29.596.088
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	93.392.834	44.982.787
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		24.323.903.339	26.034.112.764
220	II. Tài sản cố định		15.380.763.173	16.789.994.698
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	15.380.763.173	16.789.994.698
222	- Nguyên giá		43.285.865.516	43.794.010.341
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.905.102.343)	(27.004.015.643)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	-	-
228	- Nguyên giá		1.094.660.000	1.094.660.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.094.660.000)	(1.094.660.000)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	7.603.999.306	7.603.999.306
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.186.000.000	4.186.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.050.000.000	2.050.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.367.999.306	1.367.999.306
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.339.140.860	1.640.118.760
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	525.099.581	826.077.481
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		814.041.279	814.041.279
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		138.953.520.599	172.028.208.108

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNGTại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		75.493.338.296	107.961.992.753
310	I. Nợ ngắn hạn		72.664.020.082	103.753.720.452
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	17.959.603.568	18.332.584.652
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	3.431.990.300	4.198.601.700
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.154.759.769	5.915.606.733
314	4. Phải trả người lao động		10.792.081.662	17.157.482.324
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.119.747.467	7.500.461.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	7.910.424.897	26.052.936.310
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	23.878.814.561	21.536.741.915
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.416.597.858	3.059.305.818
330	II. Nợ dài hạn		2.829.318.214	4.208.272.301
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16	2.580.818.214	4.208.272.301
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	248.500.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		63.460.182.303	64.066.215.355
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	63.460.182.303	64.066.215.355
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		44.000.000.000	44.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		44.000.000.000	44.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		15.049.472.089	14.492.056.171
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.410.710.214	5.574.159.184
421b	LNST chưa phân phối năm nay		4.410.710.214	5.574.159.184
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		138.953.520.599	172.028.208.108

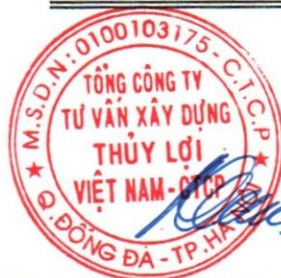

Phạm Vũ Toàn
Người lập

Phan Kim Yến
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	96.198.312.653	138.666.713.063
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		96.198.312.653	138.666.713.063
11	4. Giá vốn hàng bán	22	80.298.943.844	118.353.210.166
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.899.368.809	20.313.502.897
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.362.722.971	1.175.620.788
22	7. Chi phí tài chính	24	1.759.916.018	1.849.914.346
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.756.603.835	1.843.175.838
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	13.705.437.626	16.193.782.004
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.796.738.136	3.445.427.335
31	11. Thu nhập khác	26	3.523.953.515	4.518.545.391
32	12. Chi phí khác	27	309.472.119	1.137.877.397
40	13. Lợi nhuận khác		3.214.481.396	3.380.667.994
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.011.219.532	6.826.095.329
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	600.509.318	1.251.936.145
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.410.710.214	5.574.159.184



Phạm Vũ Toàn
Người lập

Phan Kim Yến
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.011.219.532	6.826.095.329
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.579.231.525	1.818.718.613
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	3.460.576
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.363.472.971)	(1.184.070.788)
06	- Chi phí lãi vay		1.756.603.835	1.843.175.838
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.983.581.921	9.307.379.568
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		23.531.283.922	19.120.619.086
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(4.574.470.844)	4.293.757.087
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(33.948.596.730)	(37.564.904.355)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		300.977.900	456.475.959
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.777.482.835)	(1.852.019.857)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.202.490.213)	(1.994.128.874)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.479.451.226)	(2.226.706.311)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.166.648.105)	(10.459.527.697)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(170.000.000)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		750.000	8.450.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.200.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.362.722.971	1.175.620.788
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(6.527.029)	1.184.070.788
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		27.921.108.110	23.981.776.498
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(25.579.035.464)	(19.138.873.475)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.776.562.518)	(8.375.222.150)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.434.489.872)	(3.532.319.127)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(13.607.665.006)	(12.807.776.036)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		28.937.393.818	41.748.630.430
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(3.460.576)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>15.329.728.812</u>	<u>28.937.393.818</u>

Trần

Phan Kim Yên



Phạm Vũ Toàn
Người lập

Phan Kim Yên
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 22/05/2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 44.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 44.000.000.000 đồng; tương đương 4.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 274 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 316 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình xây dựng, thủy lợi.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- In đồ án thiết kế, các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ, tạp chí, sách báo theo quy định và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; Xuất nhập khẩu, làm đại lý, dịch vụ, thương mại máy móc, thiết bị, vật tư in và tư vấn về in;
- Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình;
- Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyển giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình, sửa chữa xe, máy chuyên dùng và gia công cơ khí;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án thủy lợi, thủy điện;
- Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- Quản lý dự án, đầu tư và xây dựng công trình;
- Tham gia đào tạo bồi dưỡng các chức danh tư vấn xây dựng (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán công trình (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Tư vấn về lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong Xây dựng) và hợp đồng kinh tế trong xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính).

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Tư vấn 11 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 11)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Tầng 3, Tòa nhà số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Công ty Tư vấn 12 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 12)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Tầng 4, Tòa nhà số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Công ty Tư vấn 13 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 13)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Tầng 5, Tòa nhà số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Công ty Tư vấn Địa kỹ thuật - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 14)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Số 95/8/116, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Công ty Khảo sát và Xây dựng số 15 - (HEC 15)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Đình Bảng, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh
Chi nhánh Tổng Công ty tại tỉnh Nghệ An (HEC 16)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Số 100, Mai Hắc Đế, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
Công ty In Thủy lợi - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội	Dịch vụ in ấn	Số 107, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Số 61/33 Bình Giã, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi Việt nam - CTCP tại Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Số 52, Đường Đồng Đa, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Văn phòng đại diện Tổng Công ty tại Lào	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ và các Công ty con

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

- Dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể với bên được đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, số tiền khách hàng trả trước cho công trình thực hiện trong nhiều năm.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Chính sách ưu đãi thuế

Theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 do có tổng doanh thu trong năm 2020 không vượt quá 200 tỷ đồng.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty. Mặt khác, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	4.813.531.348	4.088.218.298
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ⁽¹⁾	9.416.197.464	23.531.008.879
Các khoản tương đương tiền ⁽²⁾	1.100.000.000	1.318.166.641
	<u>15.329.728.812</u>	<u>28.937.393.818</u>

(1) Trong đó, khoản tiền gửi không kỳ hạn dùng để đảm bảo các khoản vay với số tiền là 97.310,17 USD, tương đương 2.241.539.766 VND.

(2) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 1.100.000.000 VND với lãi suất 2,8 %/năm được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.200.000.000	-	-	-
	1.200.000.000	-	-	-

(*) Tại ngày 31/12/2020 các tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị 1.200.000.000 VND với lãi suất 5,3 %/năm được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Khoản tiền gửi có kỳ hạn này được dùng để đảm bảo cho hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Nội.
(Xem thêm thông tin tại thuyết minh 18).

b) Dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	4.186.000.000	-	4.186.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	1.679.000.000	-	1.679.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	2.507.000.000	-	2.507.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	2.050.000.000	-	2.050.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	1.050.000.000	-	1.050.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	1.367.999.306	-	1.367.999.306	-
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương	1.367.999.306	-	1.367.999.306	-
	7.603.999.306	-	7.603.999.306	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	Khánh Hòa	58,76%	58,76%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Quảng Ngãi	50,65%	50,65%	Tư vấn, thiết kế xây dựng

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Ninh Bình	30,00%	30,00%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Hà Nội	40,00%	40,00%	Tư vấn, khảo sát xây dựng

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 32.

Đầu tư vào đơn vị khác

Công ty có khoản đầu tư khác vào Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 18,6%. Công ty này được thành lập tại Hà Nội và hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, khảo sát xây dựng.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Ban QLDA đầu tư và xây dựng Thủy lợi 7	2.512.560.000	-	16.237.037.000	-
- Ban QLDA Sông Tích	1.217.413.000	-	3.108.167.000	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng công trình 507 tại Quảng Ninh	642.931.000	-	642.931.000	-
- Ban QLDA Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Thọ	1.244.735.000	-	2.804.086.000	-
- Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Thanh Hoá	3.871.204.699	-	4.451.204.699	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình giao thông TP.Hà Nội	395.840.600	-	2.224.708.600	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình giao thông Quảng Ngãi	1.631.000.000	-	2.615.650.000	-
- Công ty Cổ phần đầu tư Vinacco	260.525.000	-	2.258.121.000	-
- Bộ tư lệnh lãng bảo vệ Hồ Chí Minh	1.391.481.000	-	-	-
- Vụ đề điều - Bộ NNPTNT CT MCSH	3.285.000.000	-	2.988.835.000	-
- Công ty Hiệp phú - KP Hồ Noong mò	4.456.980.000	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	30.210.332.836	-	38.492.784.388	(637.500.000)
	51.120.003.135	-	75.823.524.687	(637.500.000)

Trong đó, tổng số công nợ đã quá hạn thanh toán là 6,6 tỷ đồng, tuy nhiên, do đặc thù hoạt động của Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình xây dựng thủy điện, thủy lợi thuộc các chủ đầu tư là các ban A trực thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuộc các tỉnh, các công trình Công ty thực hiện thường có thời gian thanh quyết toán kéo dài với chủ đầu tư nên Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá các khoản công nợ trên vẫn có khả năng thu hồi khi quyết toán.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi số 3	-	-	1.600.000.000	-
- Công ty Cổ phần tư vấn và Xây dựng số 2	1.659.614.000	-	1.554.614.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn khảo sát và Xây dựng số 4	839.455.000	-	3.023.718.472	-
- Trả trước cho người bán khác	2.811.059.538	-	2.729.992.323	-
	5.310.128.538	-	8.908.324.795	-
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan	2.837.074.000	-	6.516.337.472	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	15.010.457	-	78.581.378	-
Tạm ứng	16.612.660.164	-	12.944.788.122	-
Ký cược, ký quỹ	750.121.863	-	-	-
Phải thu người lao động thuế TNCN	309.301.611	-	469.944.348	-
Bảo hiểm xã hội của người lao động	901.833.813	-	453.477.544	-
Phải thu Công ty Cổ phần Cơ khí	-	-	1.805.235.869	(1.805.235.869)
Phải thu khác	1.975.990.934	-	3.201.835.603	-
	20.564.918.842	-	18.953.862.864	(1.805.235.869)

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.257.460.923	-	1.129.334.288	-
Công cụ, dụng cụ	209.928.334	-	249.337.144	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.846.227.761	-	14.360.474.742	-
	20.313.617.018	-	15.739.146.174	-

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại thời điểm 31/12/2020, tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.094.660.000 đồng.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	97.147.321	451.498.103
Công cụ dụng cụ xuất dùng	329.817.260	374.579.378
Chi phí dài hạn khác	98.135.000	-
	525.099.581	826.077.481

11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai	-	449.250.000
Công ty TNHH Trường Thịnh	1.265.000.000	1.265.000.000
Ban QLDA tỉnh Hà Tĩnh - Giám sát Linh cảm	-	1.000.000.000
Các khoản người mua trả trước khác	2.166.990.300	1.484.351.700
	3.431.990.300	4.198.601.700

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Số dư đầu năm	20.099.094.112	10.347.732.828	12.058.625.400	1.070.934.787	217.623.214	43.794.010.341					
- Mua trong năm	-	170.000.000	-	-	-	170.000.000					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(569.897.650)	-	(76.302.800)	(31.944.375)	(678.144.825)					
Số dư cuối năm	20.099.094.112	9.947.835.178	12.058.625.400	994.631.987	185.678.839	43.285.865.516					
Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư đầu năm	7.217.012.588	9.165.446.295	9.485.688.558	918.244.988	217.623.214	27.004.015.643					
- Khấu hao trong năm	533.434.270	381.726.033	617.733.782	46.337.440	-	1.579.231.525					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(569.897.650)	-	(76.302.800)	(31.944.375)	(678.144.825)					
Số dư cuối năm	7.750.446.858	8.977.274.678	10.103.422.340	888.279.628	185.678.839	27.905.102.343					
Giá trị còn lại											
Tại ngày đầu năm	12.882.081.524	1.182.286.533	2.572.936.842	152.689.799	-	16.789.994.698					
Tại ngày cuối năm	12.348.647.254	970.560.500	1.955.203.060	106.352.359	-	15.380.763.173					

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.380.456.821 đồng.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Tư vấn Xây dựng Điện I	1.230.500.000	1.230.500.000	2.992.340.000	2.992.340.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Thanh Hóa	629.302.000	629.302.000	629.302.000	629.302.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Ninh	2.045.094.000	2.045.094.000	2.045.094.000	2.045.094.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu Tư Xây dựng và Phát triển Nông thôn	213.234.000	213.234.000	213.234.000	213.234.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	2.293.291.000	2.293.291.000	4.194.608.000	4.194.608.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	127.749.000	127.749.000	2.149.371.000	2.149.371.000
- Công ty TNHH trắc địa Việt Nam	1.311.000.000	1.311.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	2.390.331.000	2.390.331.000	571.164.000	571.164.000
- Phải trả các đối tượng khác	7.719.102.568	7.719.102.568	5.537.471.652	5.537.471.652
	17.959.603.568	17.959.603.568	18.332.584.652	18.332.584.652
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	5.284.787.000	5.284.787.000	7.388.559.000	7.388.559.000

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		4.080.695.711		6.490.263.823		8.421.351.469		-		2.149.608.065	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		888.359.939		600.509.318		1.202.490.213		-		286.379.044	
Thuế Thu nhập cá nhân	24.863.187		664.022.219		724.728.056		1.000.916.526		73.273.234		436.243.796	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		239.548.683		2.520.402.130		2.520.402.130		-		239.548.683	
Các loại thuế khác	-		42.980.181		12.000.000		12.000.000		-		42.980.181	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.119.600		-		-		-		20.119.600		-	
	44.982.787		5.915.606.733		10.347.903.327		13.157.160.338		93.392.834		3.154.759.769	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	12.222.000	33.101.000
- Chi phí trích trước thầu phụ các công trình	3.107.525.467	7.467.360.000
	3.119.747.467	7.500.461.000

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	598.363.669	1.089.272.756
- Doanh thu giám sát tác giả	1.982.454.545	3.118.999.545
	2.580.818.214	4.208.272.301

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	2.372.783.369	2.228.307.757
- Bảo hiểm xã hội	1.179.675	234.414.972
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.675.630.350	1.272.192.868
- Quỹ đóng góp của cán bộ nhân viên	-	5.485.667.220
- Phải trả chi phí giám sát tác giả	-	3.231.969.000
- Phải trả Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công trình thủy lợi Bình Thuận	1.041.639.355	1.041.639.355
- Phải trả tiền bảo hiểm các công trình	73.268.001	517.208.001
- Các khoản tiền vay phải trả cán bộ nhân viên	978.074.104	8.878.374.683
- Phải trả Ban điều hành	-	415.750.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.767.850.043	2.747.412.454
	7.910.424.897	26.052.936.310
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	248.500.000	-
	248.500.000	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

18 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Nội ⁽¹⁾	19.934.619.664	19.934.619.664	11.671.430.900	23.530.476.214	8.075.574.350	8.075.574.350
- Vay cá nhân ⁽²⁾	1.602.122.251	1.602.122.251	16.249.677.210	2.048.559.250	15.803.240.211	15.803.240.211
	21.536.741.915	21.536.741.915	27.921.108.110	25.579.035.464	23.878.814.561	23.878.814.561

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/20/CVHM/VCBHN-TVTL ngày 07/09/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng;

+ Thời hạn của hợp đồng: 09 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo từng Giấy nhận nợ). Tổng thời hạn cho vay của Hợp đồng tín dụng này bằng thời hạn rút vốn cộng với thời hạn cho vay tối đa của Giấy nhận nợ;

+ Lãi suất cho vay: Lãi suất tại thời điểm 31/12/2020 là 8%/năm;

+ Số dư vay tại thời điểm 31/12/2020: 8.075.574.350 đồng;

+ Các hình thức bảo đảm tiền vay: Đảm bảo 03 tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Bên vay tại Ngân hàng với tổng giá trị 97.310,17 USD và 1.200.000.000 đồng.

(2) Các khoản vay cá nhân, CBCNV với lãi suất 8%/năm, theo hình thức tín chấp với thời hạn vay là 03 tháng, số dư vay tại thời điểm 31/12/2020 là: 15.803.240.211 đồng.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	44.000.000.000	13.388.056.171	11.040.420.092	68.428.476.263
Lãi trong năm trước	-	-	5.574.159.184	5.574.159.184
Phân phối lợi nhuận	-	1.104.000.000	(11.040.420.092)	(9.936.420.092)
Số dư cuối năm trước	44.000.000.000	14.492.056.171	5.574.159.184	64.066.215.355
Số dư đầu năm nay	44.000.000.000	14.492.056.171	5.574.159.184	64.066.215.355
Lãi trong năm nay	-	-	4.410.710.214	4.410.710.214
Phân phối lợi nhuận	-	557.415.918	(5.574.159.184)	(5.016.743.266)
Số dư cuối năm nay	44.000.000.000	15.049.472.089	4.410.710.214	63.460.182.303

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 40 ngày 29 tháng 06 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	5.574.159.184
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	557.415.918
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15,01%	836.743.266
Chi trả cổ tức (bằng 9,5% vốn điều lệ)	74,99%	4.180.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước	49,00%	21.560.000.000	49,00%	21.560.000.000
Các cổ đông khác	51,00%	22.440.000.000	51,00%	22.440.000.000
	100%	44.000.000.000	100%	44.000.000.000

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	44.000.000.000	44.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>44.000.000.000</i>	<i>44.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>44.000.000.000</i>	<i>44.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>1.272.192.868</i>	<i>1.067.415.018</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	<i>4.180.000.000</i>	<i>8.580.000.000</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>4.180.000.000</i>	<i>8.580.000.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(3.776.562.518)</i>	<i>(8.375.222.150)</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>(3.776.562.518)</i>	<i>(8.375.222.150)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<i>1.675.630.350</i>	<i>1.272.192.868</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.400.000	4.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.400.000</i>	<i>4.400.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.400.000	4.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.400.000</i>	<i>4.400.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	15.049.472.089	14.492.056.171
	15.049.472.089	14.492.056.171

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 02, ngõ 95 phố Chùa Bộc để sử dụng với mục đích xây dựng làm trụ sở làm việc của Tổng công ty và Công ty In Thủy lợi từ năm 2007 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 2.060 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại thửa đất số 71, thuộc thị trấn Bản Yên Nhân, huyện Mỹ Hào để sử dụng với mục đích xây dựng kho lưu giữ thiết bị, vật tư phục vụ công tác khảo sát và thăm dò địa chất các công trình thủy lợi và dịch vụ sản xuất từ năm 1993 đến năm 2042. Diện tích khu đất thuê là 4.359 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 52 Đống Đa, phường Tân lập, thành phố Nha Trang để sử dụng với mục đích làm văn phòng từ năm 2009 đến năm 2029. Diện tích khu đất thuê là 507 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 100 Mai Hắc Đế, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc từ năm 2005 đến năm 2025. Diện tích khu đất thuê là 4.606,7 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất số 279/HĐ - TĐ ngày 14 tháng 04 năm 2004 tại Xã Đình Bảng, Huyện Từ Sơn, Bắc Ninh để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc. Diện tích khu đất thuê là 2.905 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
- Đồng đô la Mỹ (USD)	102.847,20	103.860,40

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cơ khí	1.805.235.869	-
Công ty Cổ phần Licogi 17	637.500.000	-

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	96.198.312.653	138.666.713.063
	96.198.312.653	138.666.713.063

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	80.298.943.844	118.353.210.166
	80.298.943.844	118.353.210.166

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	5.869.119.104	19.982.188.662
---	----------------------	-----------------------

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	99.666.971	146.424.788
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.263.056.000	1.029.196.000
	1.362.722.971	1.175.620.788

Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	872.810.000	672.810.000
---	--------------------	--------------------

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.756.603.835	1.843.175.838
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	3.460.576
Chi phí tài chính khác	3.312.183	3.277.932
	1.759.916.018	1.849.914.346

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	671.413.545	603.693.862
Chi phí nhân công	3.899.578.000	5.030.084.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	479.326.410	502.858.321
Thuế, phí, lệ phí	2.634.886.568	2.599.707.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	989.640.135	1.299.688.255
Chi phí khác bằng tiền	5.030.592.968	6.157.750.296
	13.705.437.626	16.193.782.004

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	750.000	8.450.000
Tiền thu từ đền bù, bồi hoàn	1.000.000	4.000.000
Thu tiền đề tài khoa học	85.714.287	838.095.238
Tiền cho thuê văn phòng	3.374.716.501	3.640.544.506
Thu nhập khác	61.772.727	27.455.647
	3.523.953.515	4.518.545.391

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	219.472.119	257.032.397
Chi phí đề tài khoa học	90.000.000	880.000.000
Chi phí khác	-	845.000
	309.472.119	1.137.877.397

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.011.219.532	6.826.095.329
Các khoản điều chỉnh tăng	378.832.119	462.781.397
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	378.832.119	462.781.397
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.263.056.000)	(1.029.196.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(1.263.056.000)	(1.029.196.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.126.995.651	6.259.680.726
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	825.399.130	1.251.936.145
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP	224.889.812	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	600.509.318	1.251.936.145
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	-	70.207.481
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	888.359.939	1.560.345.187
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.202.490.213)	(1.994.128.874)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	286.379.044	888.359.939

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.229.966.767	11.039.151.219
Chi phí nhân công	39.910.301.769	46.965.858.361
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.579.231.525	1.818.718.613
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.845.113.435	31.766.950.483
Chi phí khác bằng tiền	31.925.520.993	38.320.128.123
	98.490.134.489	129.910.806.799

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.329.728.812	-	28.937.393.818	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	71.684.921.977	-	94.777.387.551	(2.442.735.869)
Đầu tư ngắn hạn	1.200.000.000	-	-	-
	88.214.650.789	-	123.714.781.369	(2.442.735.869)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	23.878.814.561	21.536.741.915
Phải trả người bán, phải trả khác	26.118.528.465	44.385.520.962
Chi phí phải trả	3.119.747.467	7.500.461.000
	53.117.090.493	73.422.723.877

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.329.728.812	-	-	15.329.728.812
Phải thu khách hàng, phải thu khác	71.684.921.977	-	-	71.684.921.977
	<u>87.014.650.789</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>87.014.650.789</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.937.393.818	-	-	28.937.393.818
Phải thu khách hàng, phải thu khác	92.334.651.682	-	-	92.334.651.682
	<u>121.272.045.500</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>121.272.045.500</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	23.878.814.561	-	-	23.878.814.561
Phải trả người bán, phải trả khác	25.870.028.465	248.500.000	-	26.118.528.465
Chi phí phải trả	3.119.747.467	-	-	3.119.747.467
	52.868.590.493	248.500.000	-	53.117.090.493
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	21.536.741.915	-	-	21.536.741.915
Phải trả người bán, phải trả khác	44.385.520.962	-	-	44.385.520.962
Chi phí phải trả	7.500.461.000	-	-	7.500.461.000
	73.422.723.877	-	-	73.422.723.877

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		5.869.119.104	19.982.188.662
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	289.043.637	4.583.701.818
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi 3	Công ty con	389.851.054	7.388.568.182
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Công ty con	4.614.678.049	8.009.918.662
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	575.546.364	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
		VND	VND
Cổ tức nhận được		872.810.000	672.810.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	105.000.000	105.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	Công ty con	367.250.000	367.250.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Công ty con	200.560.000	200.560.000
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	200.000.000	-
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:			
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
		VND	VND
Ứng trước cho nhà cung cấp		2.837.074.000	6.516.337.472
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	1.659.614.000	1.554.614.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi 3	Công ty con	-	1.600.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Công ty con	839.455.000	3.023.718.472
Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	338.005.000	338.005.000
Phải trả người bán		5.284.787.000	7.388.559.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	473.416.000	473.416.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi 3	Công ty con	2.293.291.000	4.194.608.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Công ty con	2.390.331.000	571.164.000
Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	127.749.000	2.149.371.000
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
		VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản Trị, Ban kiểm soát		604.391.000	619.600.000
Võ Văn Lung		108.000.000	108.000.000
Nguyễn Ngọc Lâm		64.800.000	64.800.000
Lê Mạnh Hiệp		64.800.000	64.800.000
Nguyễn Chí Trường		64.800.000	64.800.000
Đỗ Ngọc Cương		64.800.000	64.800.000
Đoàn Thị Minh Phương		28.800.000	28.800.000
Tăng Thành Long		28.800.000	28.800.000
Bùi Thị Lê		179.591.000	194.800.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc và Cán bộ Quản lý		1.848.488.700	1.954.346.000
Võ Văn Lung		333.877.000	429.497.000
Nguyễn Ngọc Lâm		668.136.000	597.829.000
Phan Kim Yến		302.139.000	316.800.000

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Phạm Vũ Toàn
Người lập

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021



Phan Kim Yên
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

